

Bản án số: 122/2023/DS-PT

Ngày 19-4-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Hoàng S, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Ông Mai Hoàng T, sinh năm 1977 (có mặt).

Bà Trương Hồng H, sinh năm 1978 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Bà Trương Hồng H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn, ông Mai Hoàng S trình bày:* Vào ngày 30/3/2015 ông T và bà H có mượn của ông S số tiền 80.000.000 đồng để cất nhà, sau đó ông T và bà H có trả cho ông S được 40.000.000 đồng. Đầu năm 2017, ông T mượn thêm 40.000.000 đồng để mua gạch lát sân. Năm 2020 ông T và bà H thuận tình ly hôn, đến ngày 23/7/2022 ông T và bà H đã được Tòa án giải quyết phân chia tài sản sau ly hôn nhưng số nợ trên ông S chưa yêu cầu giải quyết. Hiện nay, do ông T và bà H không trả nợ nên ông S yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông T và bà H phải trả cho ông S số tiền 80.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Mai Hoàng T trình bày: Ông thừa nhận trong năm 2015, ông có mượn của ông S là em ruột của ông với số tiền 80.000.000 đồng, đến năm 2017, ông trả được 40.000.000 đồng sau đó ông tiếp tục mượn lại 40.000.000 đồng để làm sân và thả tôm trong thời kỳ vợ chồng ông còn chung sống. Hiện nay ông T và bà H đã ly hôn và chia tài sản nên ông T đồng ý trả cho ông S 40.000.000 đồng, yêu cầu bà H trả 40.000.000 đồng.

- Bà Trương Hồng H trình bày: Bà thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng bà có mượn của ông S 80.000.000 đồng nhưng đã trả được 40.000.000 đồng, số tiền còn lại 40.000.000 đồng chưa trả. Còn việc ông T mượn của ông S thêm 40.000.000 đồng lúc nào bà không biết nên bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông S.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Hoàng S. Buộc ông Mai Hoàng T và bà Trương Hồng H phải trả cho ông Mai Hoàng S số tiền 80.000.000 đồng, mỗi người trả 40.000.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19/01/2023 bị đơn là bà Trương Hồng H kháng cáo không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và tranh luận cho rằng tại biên bản hòa giải ngày 27/4/2021 về việc Tòa án giải quyết yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn giữa bà và ông T, bà H có thừa nhận nợ ông S 80.000.000 đồng và đã trả được 40.000.000 đồng được ông T thừa nhận, còn việc ông T khai có mượn lại 40.000.000 đồng thì bà không thừa nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi theo hướng buộc ông T có trách nhiệm trả cho ông S số tiền 60.000.000 đồng, buộc bà H có trách nhiệm trả cho ông S số tiền 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị Hạnh, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 73/2020/HNGĐ-ST ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử không công nhận bà Trương Hồng H và ông Mai Hoàng T là vợ chồng. Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 202/2022/HNGĐ-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử phân chia tài sản và nợ sau ly hôn giữa ông T và bà H thì chưa giải quyết phần tiền do bà H và ông T nợ của ông S. Ông S và ông T đều thừa nhận ông T mượn của ông S 80.000.000 đồng vào năm 2015, đến năm 2017 ông T đã trả

được 40.000.000 đồng sau đó ông T mượn lại 40.000.000 đồng nhưng ông S không có giấy tờ chứng minh ông T mượn tiền của ông S trong thời gian ông T và bà H còn chung sống với nhau hay đã ly hôn. Tại biên bản hoà giải ngày 27/4/2021 về việc bà H yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản sau khi ly hôn giữa bà H và ông T (BL 20) và biên bản phiên tòa ngày 23/8/2022 (BL 26), bà H xác định bà và ông T có nợ của ông S là 80.000.000 đồng nhưng sau khi ly hôn đã trả được 40.000.000 đồng nên bà và ông T chỉ còn nợ ông S số tiền 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm này, ông S được tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng ông S không có yêu cầu ông T và bà H trả số nợ 80.000.000 đồng.

Do đó, hiện nay ông S cho rằng ông T và bà H còn nợ ông 80.000.000 đồng trong thời kì hôn nhân nhưng bà H không thừa nhận, ông S không có chứng cứ chứng minh số nợ 80.000.000 đồng là nợ chung của ông T và bà H, do đó không có cơ sở buộc bà H và ông T trả cho ông S 80.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà H thừa nhận bà và ông T nợ ông S 80.000.000 đồng đã trả được 40.000.000 đồng còn lại 40.000.000 đồng như việc thừa nhận của bà H tại biên bản hòa giải ngày 27/4/2021 đến nay chưa trả. Do đó, bà H kháng cáo không đồng ý trả nợ cho ông S là không có cơ sở, do bà H thừa nhận bà và ông T còn nợ ông S 40.000.000 đồng chưa trả nên buộc bà H trả cho ông S 20.000.000 đồng là có cơ sở. Ông T thừa nhận nợ của ông S 80.000.000 đồng, ông T không chứng minh được số nợ này là nợ chung của ông T và bà H nên buộc ông T trả cho ông S 60.000.000 đồng.

[2] Bản án sơ thẩm buộc bà H và ông T mỗi người phải trả cho ông S 40.000.000 là không có cơ sở nên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà H. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà H nên bà H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trương Hồng H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mai Hoàng S. Buộc ông Mai Hoàng T phải trả cho ông Mai Hoàng S số tiền 60.000.000 đồng, (sáu mươi triệu đồng), buộc bà Trương Hồng H trả cho ông Mai Hoàng S số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Hoàng S không phải chịu, ngày 21 tháng 10 năm 2022 ông Mai Hoàng S đã dự nộp 2.000.000 theo biên lai số 0013140 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Ông Mai Hoàng T phải nộp 3.000.000 đồng. Bà Trương Hồng H phải nộp 1.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Hồng H không phải chịu. Đã qua, bà H có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 013509 ngày 19/01/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Minh Hoàng

Nguyễn Thành Lập

Bùi Thị Phương Loan

